

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2025/HS-ST
Ngày: 26-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Hưng T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 04 tháng 5 năm 1993; tại: Tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nơi thường trú: Tổ A, khối H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định. Nơi tạm trú: 60 N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Số E đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Tự do. Họ và tên cha: Không xác định; họ và tên mẹ: Võ Thị Đ, sinh năm 1954. Hiện trú tại tổ A, khối H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định. Họ và tên vợ: Hoàng Thị T1, sinh năm 1993. Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2020. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19 tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Ngọc H (vắng mặt)

Địa chỉ: 4 Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Xuân H1 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

+ Ông Đinh Văn D (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hưng T là người làm nghề chạy xe ôm công nghệ G tại khu vực thành phố B. Vào đầu tháng 01 năm 2025, trong quá trình chạy xe để chở khách, T đã quan sát và phát hiện thấy có 01 (một) chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Pajero, màu xanh, biển kiểm soát 47L–3049, thường xuyên đỗ ở khu vực vỉa hè của đường Đ, phía trước quán C, tại ngã ba đường Đ và đường P, thuộc địa phận phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 12 giờ 00 ngày 16 tháng 01 năm 2025, T đã thuê một người đàn ông khoảng 45 tuổi, chạy xe ôm công nghệ G (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chở T đến khu vực giao nhau giữa đường P và đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, mục đích để trộm cắp chiếc xe ô tô nói trên. Khi đến nơi, T thấy chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47L–3049 đang đậu ở trên vỉa hè đường Đ, phía trước quán C, không có người trông coi. T xuống xe, rồi đi bộ đến gần, rồi dùng tay mở cửa xe ở phía bên tài, sau đó ngồi vào bên trong xe. Tại đây, T thấy chìa khóa xe vẫn đang cắm ở trên ổ khóa điện, bên cạnh còn có các giấy tờ gồm: Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Giấy chứng nhận kiểm định. T bật khóa xe để khởi động máy, rồi điều khiển xe ô tô trên đi về đậu tại một khu đất trống, sát cạnh phòng trọ mà T thuê ở tại địa chỉ số E đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 17 tháng 01 năm 2025, thì hành vi của T bị phát hiện xử lý.

Hiện trường của vụ án được xác định xảy ra tại khu vực vỉa hè thuộc đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện trường đã bị xáo trộn. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xác định: 01 (một) chiếc xe ô tô biển số 47L–3049, nhãn hiệu Mitsubishi, màu xanh, số khung: DHNV3020RJ-02554, số máy: 4G54KW-9367, tài sản đã qua sử dụng, tài sản thu hồi được, thời điểm định giá ngày 16 tháng 01 năm 2025 trị giá **33.000.000** đồng

Tại cáo trạng số 152/QĐ-VKS - HS ngày 01/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã truy tố Võ Hưng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Hưng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Hưng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm **h, i, s** khoản 1 Điều 51, khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Hưng T mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm đến 04 năm.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử lý vật chứng: Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47L–3049, Giấy chứng nhận

kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, Giấy đăng ký xe ô tô cho ông Đinh Văn D là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

Về dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản, ông Đinh Văn D, ông Nguyễn Ngọc H không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự, nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Hưng T không bào chữa tranh luận gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy tại cơ quan điều tra bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới quá trình giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo: vào ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại khu vực vỉa hè đường Đ, phía trước quán C, ngã ba đường Đ và đường P, thuộc địa phận phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Võ Hưng T đã trộm cắp một chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Mitsubishi Pajero, biển kiểm soát 47L-3049, trị giá 33.000.000 đồng. Đến ngày 17 tháng 01 năm 2025, thì bị phát hiện xử lý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, trật tự công cộng, mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do ý thức coi thường pháp luật bị cáo đã bất chấp pháp

luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo gây ra.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Võ Hưng T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, xét thấy trước khi phạm tội bị cáo Võ Hưng T có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà để bị cáo tự cải tạo không giam giữ cũng đủ tính chất, giáo dục và răn đe.

[2.3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử lý vật chứng: Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47L-3049, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, Giấy đăng ký xe ô tô cho ông Đinh Văn D là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

[2.4] Các vấn đề khác:

Trong vụ án này, đối với người đàn ông chạy xe ô tô công nghệ G chở bị cáo Võ Hưng T đến nơi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do chưa xác định nhân thân, lai lịch của người đàn ông trên, nên Cơ quan điều tra đã tách ra khỏi vụ án, để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau, là có căn cứ và phù hợp.

[2.5] Về án phí: Bị cáo Võ Hưng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Võ Hưng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Hưng T **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **03 (ba) năm** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Hưng T cho Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Võ Hưng T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Võ Hưng T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử lý vật chứng: Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47L–3049, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, Giấy đăng ký xe ô tô cho ông Đinh Văn D là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Hưng T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoài Trang